

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 22-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quỳnh;

2. Ông Giàng A Tạng.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Hàng A T, sinh năm 1980 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vắn) không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hàng A L (đã chết) và bà Mùa Thị G (đã chết); có vợ là Sùng Thị M, sinh năm 1980 và 07 con; tiền án, tiền sự không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 9 năm 2021, tạm giam từ ngày 19 tháng 9 năm 2021; "Có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Gia H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Có mặt".*

- *Người tham gia tố tụng khác*

- *Người làm chứng:*

+ Bùi Văn P, sinh năm 1992; đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

+ Đinh Tuấn M, sinh năm 2000; đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

+ *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Mùa A C - Cán bộ Phòng dịch vụ và hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào thời gian trước ngày 16-3-2021 khoảng 20 ngày, Hạng A T gặp một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết, đem ma túy đến bán tại thôn L, xã T, huyện T; T mua của người này 01 gói Heroine, với giá 300.000 đồng, mục đích để sử dụng và bán lại kiếm lời. Trong thời gian đầu tháng 3-2021 tại nhà riêng thuộc thôn L, xã T, huyện T; Hạng A T đã 04 lần bán Heroine cho Bùi Văn P, với tổng số tiền là 700.000, đồng, mỗi lần bán cách nhau từ 2 đến 3 ngày, cụ thể: Lần thứ nhất bán với giá 100.000 đồng, lần thứ hai bán với giá 200.000 đồng, lần thứ ba bán với giá 100.000 đồng, lần thứ tư là vào buổi tối ngày 15-3-2021 T bán cho Bùi Văn P 01 gói Heroine với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được Heroine, P lấy một ít để sử dụng cùng Đinh Tuấn M và Sùng Thị M, số còn lại bị tổ công tác của Công an xã T, huyện T phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 174/GĐMT ngày 22/3/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn P và Đinh Tuấn M có khối lượng là: 0,31 (*không phải ba mốt*) gam; 0,08 gam trích từ 0,31 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số: 34/CT-VKS-TT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Hạng A T về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mua bán ma túy mà bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T thực hành quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hạng A T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hạng A T từ 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Phạt bị cáo Hạng A T từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của Hãng A T 700.000 đồng tiền bán ma túy cho Bùi Văn P.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Bị cáo T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo mua bán ma túy khối lượng ít; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hãng A T từ 07 (*bảy*) năm đến 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì, nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về áp dụng phạt tiền và buộc bị cáo chịu án phí. Vì bị cáo phạm tội đã thu được lợi nhuận và bị cáo không có đơn xin miễn án phí.

Ý kiến của người bào chữa: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo; bị cáo không biết chữ, bị cáo bị giam nên không có khả năng viết đơn, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn án phí. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Không ai có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; gia đình bị cáo khó khăn, đông con, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian đầu tháng 3-2021 tại nhà riêng thuộc thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Hằng A T đã 04 lần bán Heroine cho Bùi Văn P, với tổng số tiền là 700.000 đồng, mỗi lần bán cách nhau từ 2 đến 3 ngày, cụ thể: Lần thứ nhất bán với giá 100.000 đồng, lần thứ hai bán với giá 200.000 đồng, lần thứ ba bán với giá 100.000 đồng, lần thứ tư là vào buổi tối ngày 15-3-2021 T bán cho Bùi Văn P 01 gói Heroine với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được Heroine, P lấy một ít để sử dụng cùng Đinh Tuấn M và Sùng Thị M, số còn lại bị Công an xã T, huyện Trạm Tấu phát hiện bắt quả tang, thu giữ Heroine có khối lượng là 0,31 gam. Mục đích bị cáo mua Heroine về để sử dụng và bán lại kiếm lời.

Bị cáo Hằng A T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức rõ việc mua bán trái phép Heroine (ma túy) là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy bất hợp pháp của bản thân và thu lợi bất chính.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà bị cáo T thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng, lan tràn tình trạng nghiện chất ma túy; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Trong đầu tháng 3 năm 2021 Hằng A T đã 04 lần bán Heroine cho Bùi Văn P, nên Hằng A T phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là phạm tội 02 lần trở lên.

[4] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Hằng A T thực hiện đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[5] Nhân thân: Bị cáo T là người thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy, nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình bắt quả tang Sùng Thị M (vợ T), Cơ quan Công an thu giữ của M 101.500.000 đồng là tài sản chung của bị cáo T và M; T phạm tội đã thu lời bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Vật chứng:

Được giải quyết theo vụ án Sùng Thị M cùng đồng phạm, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với 700.000 đồng số tiền T bán ma túy cho P, T đã sử dụng hết, nên cần căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Án phí và các vấn đề khác:

Bị cáo T là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ bị cáo T khai là người đã bán Heroine cho bị cáo, Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của Bùi Văn P, Đinh Tuấn M và Sùng Thị M đã tách ra giải quyết ở vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Hằng A T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hằng A T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 16-9-2021.

Phạt bị cáo Hằng A T 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của Hằng A T 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

4. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hằng A T.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Chi cục Thuế Nghĩa Văn- Trạm Tấu;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- UBND xã T (TB);
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân